# Bốn Mươi Năm Viễn Xứ

Nguyễn Thị Ngọc

(cảm nghĩ đầu năm 2015)

Hồi tưởng chuyện hai con trai tôi thất lạc vào ngày 26-4-1975, đến giờ tôi vẫn có mang ấn tượng rằng vết thương lòng của mình đến nay cũng chưa lành. Tôi sợ con tôi còn oán trách tôi, vì chúng chưa hiểu tôi, chưa hiểu được hoàn cảnh đất nước tôi vào những ngày cuối của cuộc chiến và lúc đó cha của chúng nó bị coi là “kẻ thù ác ôn” của chế độ mới, thậm chí là kẻ thù của “nhân dân.”

## Chấp nhận cuộc sống ly hương

Sự hiện diện của gia đình chúng tôi và hàng triệu người Việt trên đất nước Hoa Kỳ này từ nhiều thập niên qua chẳng nói lên được với con tôi những đau thương mà các gia đình "đối tượng" của chế độ Cộng sản tại Việt Nam đã phải gánh chịu sao?

Thật ra, con người Việt vốn nặng tình quê hương hơn là chuộng giàu sang phú quý. Bỏ nước đối với người Việt Nam là bỏ nơi chôn nhau cắt rốn, bỏ mồ mả ông bà cha mẹ, bỏ quê cha đất tổ… là trọng tội đối với tiền nhân và với hồn thiêng sông núi.

Sau Tháng Tư 1975, một trận cuồng phong ập đến gia đình tôi: Hai đứa con trai lớn của tôi, đứa 7 tuổi đứa 4 tuổi vuột khỏi tầm tay chúng tôi ngày 26/4/1975. Sau đó, trong tháng Năm 1975, đến phiên cha các cháu bị tống vào nhà tù lao động khổ sai ẩn nấp dưới tên gọi “Trại Cải tạo”. Để không bị lùa vào chốn rừng sâu nước độc, gia đình tôi từ thành phố dọn về làng quê cũ.

Trên toàn cõi Miền Nam Việt Nam, con người không còn lựa chọn nào khác để bảo đảm một cuộc sống thanh bình cả tâm hồn lẫn thể xác, một cuộc sống trong đó lẽ ra mọi người đều được hưởng những quyền tự do tối thiểu, như quyền tư hữu, quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do tôn giáo, tư do đi lại, tự do chọn nơi cư trú, song ngược lại ai nấy đều bị tròng vào ách nô lệ thời đại mới, bị áp bức, hành hạ, sách nhiễu, bắt bớ, tù đày và bỏ đói.

Cuộc chiến kết thúc đã 40 năm rồi, những thành phần cộng tác với chế độ Việt Nam Cộng Hòa trước kia đã trải qua cực hình “cải tạo tư tưởng, cải tạo lao động” kéo dài nhiều năm chịu bao khổ nhục cả tinh thần lẫn thể xác, thế mà họ vẫn cứ bị gọi là “Ngụy” - ngụy quân ngụy quyền, bị phân biệt đối xử, thì chuyện đối thoại hòa hợp hoà giải chỉ là những câu nói đầu môi chót lưỡi lừa mị thế giới mà thôi. Kẻ thắng cuộc hô hào đối thoại, nhưng lại cố tình gây nên những cuộc đối chọi man rợ, hạ nhục và sát phạt kẻ thua trận bằng những đòn thù vô cùng nham hiểm, ác độc.

Ba đứa con còn lại của tôi – hai gái, một trai, đứa lớn nhất chỉ vừa tròn 5 tuổi sau tháng Tư 1975, đứa nhỏ nhất chỉ mới 8 tháng tuổi. Chúng buộc phải đi học ở nhà trường Xã Hội Chủ Nghĩa, nơi mà suốt 16 năm trường (cho tới cuối năm 1991, gia đình chúng tôi rời Việt Nam đi tị nạn chính trị tại Hoa Kỳ) người ta cố nhồi nhét vào đầu óc trẻ em những chia rẽ, hận thù và dối trá. Người ta cô lập và phân biệt đối xử nhằm vào đám học sinh “con ngụy”, đặc biệt một thứ ngụy mà người ta gọi là “ngụy ác ôn”, có gốc gác cảnh sát, an ninh, tình báo, xây dựng nông thôn… của chế độ cũ. Thậm chí, người ta còn bố trí xây dựng đảng đoàn trong học đường cốt dùng học sinh “con nhà cách mạng” bám sát, theo dõi, cách ly và loại trừ “bọn con cái ngụy ác ôn”, nhất là “phân loại đối tượng” trong hồ sơ xin học, hồ sơ thang điểm, để “đám con ngụy” hết đường tiến thân, bỏ học, đi lang thang đầu đường xó chợ, để rồi quy kết các trẻ vô tội ấy vào thành phần “tàn dư Mỹ-Ngụy”.

Mong các con tôi nhận ra các điều đó và cùng tôi tạ ơn Thiên Chúa đã ban cho gia đình mình vượt qua vô vàn khó khăn thử thách để sống còn tới hôm nay.

Một lần nữa, tôi không thể không nói lên lòng tri ân sâu xa nhất của tôi đối với chính phủ Hoa Kỳ và mọi ân nhân đã rộng tay đón nhận, nâng đỡ, cứu vớt, cưu mang gia đình chúng tôi cùng dưỡng dục con cái chúng tôi nên người hữu dụng cho xã hội.

Từ đây, sau hơn 15 năm khắc khoải tìm con, và sau hơn 20 năm lặn lội nơi đất khách quê người, tôi có thể lạc quan nhìn thấy đời sống mình rõ ràng đã được Ơn Trên chúc phúc, để không còn kêu lên nữa tiếng gào thảm thiết: “Con tôi đâu rồi!”, mà chỉ còn tiếng reo hò hoan hỉ: Tạ ơn Chúa! Tạ ơn đời! Tạ ơn người! Và toàn gia đình chúng tôi đang an cư lạc nghiệp nơi đây, xứ sở đầy ắp tình người!

Dù vậy, tôi không thể không nêu ra đây vài khía cạnh gai góc cuộc sống mới của chúng tôi nơi đất khách quê người.

## Kỳ thị hay không kỳ thị?

Chúng tôi không hề mặc cảm hay có ấn tượng xấu đối với kẻ khác, nhất là với những người không cùng mầu da, không cùng ngôn ngữ, không cùng tập tục với mình. Tuy nhiên, không phải ai cũng hoàn toàn tốt lành. Trong xã hội không thiếu gì những người mang óc đố kỵ hay kỳ thị.

Vâng, kỳ thị là chuyện muôn đời muôn thuở của loài người, ở đâu và dân tộc nào cũng mắc phải. Do chủ nghĩa tự tôn dân tộc cũng có, do ích kỷ hẹp hòi cũng có, do mặc cảm sợ kẻ khác chiếm mất chỗ làm của mình hay đất sống của hậu duệ mình...

Nhưng điều buồn cười là trên cái quốc gia gọi là “Hiệp Chủng Quốc” đa chủng tộc, đa văn hóa này, tình trạng phân biệt đối xử vẫn không diệt được dù luật pháp Hoa Kỳ rất khắt khe với tội kỳ thị. Trắng kỵ đen. Đen kỵ vàng. Vàng kỵ nâu. Thậm chí những người tuy cùng màu da, nhưng khác tiếng nói, khác sắc dân cũng có thể khinh chê, khích bác nhau, không bằng lời nói thì cũng bằng cử chỉ, thái độ.

Nơi đất nước này, chỗ nào người ta cũng đọc thấy lời nhắc nhở: *“The Federal… Act prohibits… from discriminating against… on the basis of RACE, COLOR, RELIGION, NATIONAL ORIGIN, SEX, MARITAL STATUS, AGE… “ Đạo luật … Liên Bang cấm… không được đối xử phân biệt với… vì lý do CHỦNG TỘC, MÀU DA, TÔN GIÁO, NGUỒN GỐC QUỐC GIA, GIỚI TÍNH, TÌNH TRẠNG GIA ĐÌNH, TUỔI TÁC…”*

Câu ấy cho thấy rõ phân biệt đối xử vẫn còn phổ biến trên đất nước này. Nó phức tạp và và rất đa dạng, trong nhiều trường hợp nó được che đậy kín đáo khéo léo đến nỗi về mặt pháp lý, khó mà kết tội được, ngoại trừ ngày nay nhờ điện thoại thông minh, người ta kịp thời ghi hình làm bằng chứng hiển nhiên. Thế nhưng trong nhiều trường hợp ra trước công lý, có người vẫn thoát án “kỳ thị”.

Tôi tự hỏi mình: Bàn chuyện kỳ thị ở đây có lạc đề không? Xin thưa, sống viễn xứ suốt chặng đường dài 40 năm, ai mà chẳng trải qua đôi chút, đôi lần kinh nghiệm nhức nhối với nạn kỳ thị?

Xin đan cử một thí dụ rất nhỏ và có lẽ rất trẻ con sau đây: Lần nọ trong năm 1992 chúng tôi mua “token[[1]](#footnote-2)” tàu ngầm di chuyển trong thành phố New York. Bản chỉ dẫn (Instructions) đính trên vách phòng bán vé tàu nêu rõ: *“Nhận tiền kẽm 10 xu và 25 xu, không nhận 1 xu và 5 xu.”* Người bán token là một gã đàn ông da trắng đứng tuổi. Cùng với tiền giấy, chúng tôi trả cho ông ít đồng tiền kẽm loại 10 xu và 25 xu. Ông ta hất trả lại các đồng tiền kẽm, nói giọng cao ngạo: “GARBAGE”. Tôi trỏ tay chỉ lên tờ yết thị. Gã đàn ông bĩu môi quát lên, giọng khinh bỉ: “GARBAGE!” Không dằn được sự tức giận, chồng tôi bập bẹ tiếng Anh:

- RÁC RƯỞI đó à? Xin lỗi! Rác rưởi ấy là sự sống của ông và gia đình ông đó! Tôi sẽ gọi Cảnh sát...

Chẳng biết người bán vé có nghe và hiểu lối nói tiếng Anh ấm ớ “ba xu” của chồng tôi không, nhưng ông ta cúi mặt và… nhận tiền.

Tôi nhớ có đọc đâu đó bài thơ nhan đề “*The Alien”* của tác giả vô danh. Bài thơ này có ai đó đã phỏng dịch theo thể lục bát như sau:

Ngoại nhân thân phận nổi trôiQuê người đất khách chơi vơi bọt bèo,Đêm ngày kỳ thị rắc gieoKhốn nguy vây hãm, hiểm nghèo bám chân!…

Tưởng đời đẹp đẽ thong dongMộng vàng rực rỡ cõi lòng chiếu soi,Thiên đường hạ giới đây rồi!Nào ngờ tai họa khắp nơi ngập tràn!…

Lưu đày số kiếp lầm thanGiấc mơ an lạc địa đàng còn đâu!Chỉ còn địa ngục thảm sầu,Chỉ còn bóng tối đen màu tương lai!

Bài thơ nghe yếm thế quá, nghi kỵ và oán trách, nhưng nó cũng nói lên tâm trạng lo âu của kẻ nhập cư: Như một thứ ngoại nhân lạc loài luôn luôn sợ bị hiếp đáp.

Tôi lại sực nhớ bài học khác tôi học được từ người đàn bà Mỹ đã bảo trợ chúng tôi. Bà ấy nói đại khái: *“Ranh giới trên bản đồ hay trên thực tại đất đai đều là ước lệ. Chính ranh giới vạch sẵn trong lòng con người là ranh giới đố kỵ vì thành kiến mới là đáng sợ. Dứt được hận thù, ghen ghét, chia rẽ không phải dễ khi con người chưa hết phân hóa do tranh hơn tranh thua.”*

Bản thân chúng tôi đã không ít lần trực diện với những cách đối xử kỳ thị mà về mặt luật pháp khó có thể đưa ra bằng cớ hiển nhiên.

Nhiều hành động kỳ thị xem ra rất trẻ con, đa phần lại bộc lộ nơi chính những người chỉ mới nhập cư sau kẻ khác mà lại trước mấy “tân binh” lớn tuổi loạng choạng. Kẻ đến trước đâu chừng vài tháng hay vài năm đã tỏ ra hơn người tới sau về mặt này mặt nọ. Người thì tự tôn về nguồn gốc chủng tộc và màu da của mình. Kẻ khác nữa thì lại kiêu hãnh về tài nói tiếng Anh, tiếng Mỹ lưu loát, hay hơn người tới sau về cái vị trí xã hội họ đã chiếm được… Và rồi đi tới chỗ khinh rẻ người chân ướt chân ráo.

Hiện tượng kỳ thị còn thấm nhập vào các sở làm - cả công sở lẫn tư sở, khiến giữa những nhân viên ngang vế nhau hay giữa một kẻ “cai việc” với người làm việc cũng xảy ra đố kỵ, bất mãn, gây nên những căng thẳng trong quan hệ, nhiều khi dẫn tới những cái kết cục không lường, như đâm chém, bắn giết nhau.

Suốt hơn 10 năm làm việc trong Công ty Thời trang, tiếp xúc với nhiều giới thượng lưu, với những con người có danh có phận trong xã hội, tôi chưa thấy ai có biểu hiện phân biệt đối xử. Điển hình như tài tử điện ảnh Julia Roberts hay Hilary Swank mà nay tôi còn hình ảnh và lưu bút kỷ niệm, họ không hề gây cho tôi cái cảm giác rằng giữa họ và tôi có một khoảng cách nào, dù là khoảng cách cực nhỏ, mặc dầu tôi chỉ là công nhân làm cái việc chỉnh sửa (fitting) áo quần cho họ thôi.

Cả những vị đứng đầu Công ty mà tôi đang phục vụ, như nhà thiết kế thời trang tài hoa Marc Jacobs và vị quản trị viên chóp bu Robert Duffy, luôn xử sự rất thân tình với nhân viên. Trong khi đó, một vài nhân viên vừa mới được đề bạt lên chức “cai nhóm”… đã tỏ ra là chủ (bossy), lớn tiếng bắt nạt theo kiểu “lính mai cai lính chiều.” Tôi đã hơn một lần là nạn nhân của lối hành sử “ông cai” này.

## Ngôn ngữ là cốt lõi.

Ngoài ra, còn một rào cản lớn khác có thể làm cho mối quan hệ giữa tôi với người khác, nhất là với hai đứa con trai tôi, không được tốt đẹp như tôi mong ước, đó là rào cản về ngôn ngữ và văn hóa. Hai đứa con trai tôi thất lạc vào những ngày cuối của cuộc chiến Việt Nam (26/4/1975). Đến 15-16 năm sau, chúng tôi mới lần lượt tìm ra và cuối cùng đoàn tụ vào ngày 18/12/1991 tại thành phố New York. Cả hai cháu đều không còn nhớ một chữ tiếng Việt nào.

Trước khi rời Việt Nam sang Mỹ, chồng tôi tự tin lắm, cho rằng với vốn liếng tiếng Pháp sẵn có, anh có thể học nói thông thạo tiếng Anh trong vòng sáu tháng hay một năm định cư trên đất Mỹ. Anh tin mình sẽ sớm hội nhập vào nếp sống và văn hóa Mỹ. Sẽ dễ dàng trò chuyện tâm sự với hai đứa con mình bằng tiếng Anh, tiếng Mỹ! Anh lầm! Tuổi anh đã ngăn chặn cái nghe và cái nói của anh với cái ngôn ngữ khó nuốt ấy. Người Mỹ nghe anh nói, họ chẳng hiểu anh nói gì! Và ngược lại, anh cũng chẳng hiểu người Mỹ nói gì với anh. Lắm lúc anh hiểu sai ý, mà vẫn tưởng mình hiểu đúng!

Tôi thì còn tệ hơn chồng tôi nhiều, tới Mỹ vừa tròn hai tuần lễ, đã phải đi “cày”.Tiếng Anh của tôi là tiếng Anh học vài khóa ở Trường Việt-Mỹ tại Việt Nam trước năm 1975 rồi sau đó quên hết. Ở Mỹ thì chỉ học lóm ở sở làm, chẳng đâu vào đâu. Khóc hổ ngươi, cười ra nước mắt!

Trên đất nước tạp chủng này, với đủ mọi sắc dân, mọi thứ ngôn ngữ và văn hóa pha trộn, lẽ ra người ta phải rộng lượng bao dung với nhau, thì lại đối xử bất bình đẳng với nhau. Ma cũ tự hào về sự kỳ cựu của mình trên đất nước này, tự hào về tính cách “Mỹ” của mình, nhăn mặt bĩu môi hoặc cười cợt nhạo báng những người tới sau, tiếng Anh i-tờ. Vì vậy chúng tôi đâm mặc cảm, ngại nói tiếng Anh, kể cả với hai con trai tôi, huống hồ là với những người khác.

## Hội nhập văn hóa?

Một khía cạnh khác cũng khá tế nhị, đó là văn hóa. Văn hóa là một rào cản không nhỏ khiến tôi và hai con tôi tuy đã gần nhau nhưng vẫn “chưa gặp được nhau.”

Hai con tôi hấp thụ nền văn hóa Mỹ, còn tôi thì không sao bước ra khỏi văn hoá truyền thống Việt Nam. Suy tư, cảm nghĩ và cách hành xử của tôi chẳng những xa lạ với hai con tôi, mà còn lắm khi gây hiểu lầm cho chúng. Ngược lại, cách sống, cách nghĩ và cách xử sự “rặt Mỹ” của hai con tôi cũng đem đến cho tôi nhiều “cú sốc”.

Vì sự bất đồng về văn hóa, đôi khi tôi có cảm tưởng rằng không khí sum họp gia đình chúng tôi nặng về hình thức bề ngoài hơn là cơ hội để giãi bày tâm sự một cách sâu đậm phát xuất từ trong lòng mỗi người.

Từ đó, tôi thấy bước hội nhập của tôi vẫn còn chông chênh. Giữa tôi và hai con tôi còn lấn cấn, chưa thể chia sẻ cho nhau trọn vẹn tâm tình để hiểu nhau hơn.

Thật ra, văn hóa nào cũng có những tinh hoa cần duy trì và phát huy, văn hóa nào cũng có những tập tục cổ hũ phải đào thải. Chẳng hạn, cách xưng hô trong ngôn ngữ Việt Nam xét về mặt tình cảm thì quả có thân tình dễ thương, nhưng lắm lúc nó lại tạo nên một lằn ranh tôn ti đẳng cấp bề trên bề dưới xa cách rõ rệt… khó gần gũi thân thiện với nhau.

Tôi không muốn gia đình tôi sống theo những lề thói mang nhiều tính câu nệ. Nhưng thỉnh thoảng tôi lại “dị ứng” với cái cảnh giữa những người thân trong cùng một gia đình mà cứ “đường ai nấy đi”, “phận ai nấy lo”, “việc ai nấy biết” như thường xảy ra trong xã hội Mỹ này. Từ đó, chúng tôi thường nhắc nhở nhau để tự an ủi: “Mình đang sống trên đất nước người ta. Nếu không hòa nhập, thì mình bị thiệt thòi trước chứ không ai khác. Nhập giang tùy khúc, nhập gia tùy tục” mà! Mình hòa nhập, nhưng không hoàn toàn từ bỏ cái tinh hoa của quê hương mình.

Nhưng xét cho cùng, cái “tục” nơi đất khách mà người Việt lưu vong phải hòa nhập nó nhẹ nhàng lắm so với tình cảnh khốn cùng mà người “dân ngụy chúng tôi” và con cái chúng tôi phải hứng chịu để “hòa” vào cái sự giả trá, lưu manh, gian ác và tàn nhẫn của chế độ Cộng Sản trên chính đất nước chúng tôi!

Cái an ổn lớn nhất của chúng tôi trên đất nước tạm dung này là cơm ăn, áo mặc dư tràn trong cuộc sống, hoàn toàn tự do, hạnh phúc, chứ không phải đắm chìm triền miên trong đói rách và sợ hãi vì bị o ép, rình rập từng ngày, từng giờ như trên chính xứ sở mình!

## Kết luận.

Sau 40 năm, thế hệ chúng tôi đang đi vào tàn lụi của thời gian. Nhưng, chúng tôi an tâm về tương lai của các thế hệ con cái cháu chắt chúng tôi. Trên đất nước Hoa Kỳ này cũng như tại một số quốc gia tiên tiến khác như Pháp, Đức, Ý, Úc, Canada…, nơi mà cánh cửa tri thức, cánh cửa cơ hội luôn mở toang cho mọi người, không hề có phân biệt giầu nghèo, mầu da hay chính kiến, chúng đang và sẽ tận hưởng một nền văn minh hiện đại vào bậc nhất thế giới. Chúng đang đi trên con đường vinh quang của sự phát triển trí tuệ để sẵn sàng sánh vai với người, với đời, trong mọi lãnh vực từ khoa học đến văn hóa, chính trị, kinh tế, xã hội.

Tôi lạc quan tin tưởng rằng, chặng đường 40 năm đã đủ để chúng tôi, lớp người đi trước, dọn đường cho con cái cháu chắt chúng tôi tiến tới một kỷ nguyên mới của thời đại: Hậu duệ chúng tôi (ở hải ngoại) đang bắt đầu cống hiến cho loài người những tài năng khoa học kỹ thuật lừng danh, những chính trị gia thành đạt, những nhà phát minh sáng chói, những thiên tài quân sự nổi bật… lớp này tới lớp khác, cao dần, cao dần và sẽ chắp cánh bay lên cao vút.

Giả sử những mầm tài năng ấy rớt lại trên đất nước do Cộng Sản thống trị thì sẽ là những thứ gì, nếu không phải là những thứ giẻ rách người ta vất đi, giày xéo, những giẻ rách đã bị đóng ấn “ngụy”, một thứ dấu ấn truyền đời khốn nạn?

Với các tài năng trẻ người Việt hải ngoại muốn “mang trí tuệ mình về đóng góp cho chế độ”, chúng tôi đề nghị hãy học lấy bài học của Triết gia Trần Đức Thảo hay Luật sư Nguyễn Mạnh Tường cùng nhiều trí thức khác từ nước ngoài hăm hở về nước “phục vụ quê hương” trong lòng đảng Cộng Sản Việt Nam… để đón lấy sự đối xử tàn tệ và ngược đãi ê chề! Hoặc như giáo sư Phạm Minh Hoàng từ Pháp và giáo sư Hồng Lê Thọ từ Nhật về cống hiến trí tuệ cho “sự thăng hoa của một nền giáo dục đang què quặt”, cũng đã lãnh nhận số phận tù đày đắng cay chua xót chỉ vì dám “hiến kế” cho sự thăng hoa của đất nước!

1. Trước đây, đi tàu điện ngầm (subway) trong thành phố New York, khách hàng mua một loại đồng kẽm gọi là “token” như thẻ thông hành đi vào ga tàu, về sau thay thế bằng metrocard. [↑](#footnote-ref-2)